

Bản án số 181/2022/HC-PT

Ngày 27-5-2022

V/v: yêu cầu hủy các quyết định
giải quyết khiếu nại và phê duyệt
phương án bồi thường khi thu hồi
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Hồ Sỹ Hưng;

ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Lê Song Lê
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 560/2021/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2020 về yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại và phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 08/2020/HC-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4429/2022/QĐ-PT ngày 13-5-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phạm Văn H sinh năm 1962; trú tại: thôn S, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: bà Dương Thị M sinh năm 1987; trú tại: quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn H2 - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Ngọc P - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có mặt.

- Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Hải V; địa chỉ: lô B7, khu công nghiệp Q, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bà Ngô Thị D, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N; đều trú tại: thôn S, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của bà D, chị T và anh Nam: ông Nguyễn Anh N trú tại: thôn Thượng, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt. Bà Ngô Thị D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: năm 1985 theo chính sách khoán sản tới người lao động thì gia đình ông H được chính quyền địa phương chia cấp cho 8 sào ruộng canh tác tại thôn S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; gia đình ông H đã sử dụng cho đến năm 1989 gửi lại HTX để đi làm ăn kinh tế trong miền Nam. Năm 1992 địa phương có tổ chức chia cấp lại toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho nhân dân trong thôn. Tại thời điểm chia cấp do gia đình ông H không có mặt tại địa phương nên chính quyền địa phương đã bỏ sót không chia cho gia đình ông.

Từ năm 1993 gia đình ông H không còn đi làm ăn xa nữa mà đã về sinh sống làm ăn ổn định tại quê hương thì được biết gia đình mình không được chia đất nông nghiệp. Gia đình ông H đã khẩn cấp làm đơn gửi chính quyền địa phương và ban quản lý HTX đề nghị trả lại diện tích ruộng như cũ cho gia đình. Sau khi gia đình ông H có đơn yêu cầu thì được trả lời là do diện tích cũ không còn nên địa phương xem xét, chấp nhận chia cấp trả lại cho hộ ông H 04 sào ruộng tại xứ đồng Cống Mối với tổng diện tích 1.442,6 m² để tiếp tục làm ăn, canh tác.

Năm 2008 gia đình ông H nhận được thông báo của các cơ quan chức năng về số diện tích trên thuộc quyền sử dụng của gia đình nằm trong quy hoạch KCN N - Hạp Lĩnh và sẽ bị thu hồi. Ngày 04/10/2014, UBND xã N đã báo gọi ông H đến để làm việc vì có liên quan đến vấn đề bồi thường cho hộ gia đình ông. Tại buổi làm việc thì 100% các đại biểu đã nhất trí ký vào biên bản và công nhận các thửa ruộng của gia đình là thuộc đất nông nghiệp được chia cấp lâu dài và quá trình sử dụng từ đó cho đến nay không có tranh chấp gì.

Tuy nhiên, đến năm 2016, gia đình ông H nhận được Công văn số 3008/CV-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời: *“Diện tích đất 1.442.6 m² thuộc các thửa 125, 126, 127, 135 tờ bản đồ số 27 của gia đình ông Phạm Văn H bị thu hồi tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N, Hạp Lĩnh (thuộc xứ đồng Cống Mối) được UBND xã N xác định là đất nông nghiệp tạm giao cho gia đình ông Phạm Văn H”*.

Căn cứ vào lý do trên nên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố B đã lập phương án bồi thường và chỉ bồi thường cho hộ gia đình ông H theo mức giá đất tạm giao bằng 30% giá trị đất lâu dài.

Gia đình ông H đã không nhất trí và không nhận bồi thường vì thấy rằng Hội đồng giải phóng mặt bằng khu công nghiệp quyết định trả tiền bồi thường như vậy là không có căn cứ, không đúng với thực tế cũng như quy định của pháp luật và ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông. Từ năm 2016 đến nay, gia đình ông H đã làm đơn khiếu nại nhiều lần. Tháng 10/2017 gia đình ông H nhận được Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại.

Gia đình ông H cho rằng Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B là không đúng bởi:

- Gia đình ông H thường xuyên có những đợt đi làm ăn xa nhà nhưng hộ khẩu và nơi ở thường trú của gia đình ông H vẫn ở địa phương, thông tin liên lạc vẫn thường xuyên, gia đình ông H chưa bao giờ chuyển khẩu đi nơi khác. Trên thực tế không phải người dân nào cũng có mặt tại địa phương 24/24, việc người dân đi làm ăn tạm thời xa nhà rất nhiều.

- Tại thời điểm chia cấp đất thì gia đình ông H không được nhận được thông báo của địa phương về việc chia cấp đất để kịp thời về làm thủ tục.

- Hàng năm gia đình ông H vẫn tiến hành nộp thuế và các loại phí khác cho địa phương theo như mức giá dành cho đất nông nghiệp được chia cấp lâu dài. Tất cả những giấy tờ có liên quan đến diện tích đất, liên quan đến việc thu thuế sử dụng đất đã được thể hiện rất rõ ràng và gia đình ông H đã rất nhiều lần cung cấp cho các cơ quan chức năng. Việc gia đình ông H đã nhiều năm đóng thuế theo mức giá dành cho đất nông nghiệp giao lâu dài, nay lại chỉ được bồi thường theo mức giá đất tạm giao gây thiệt hại và bức xúc cho gia đình ông H cũng như tất cả những người biết sự việc.

Ông Phạm Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H thôn S, xã N, thành phố B.

2. Hủy một phần quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung khu thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B đối với ông Phạm Văn H.

3. Yêu cầu trả tiền bồi thường theo diện tích 1.442,6 m² theo giá đất nông nghiệp giao lâu dài.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố trình bày:

Tại Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 06/11/2008 của UBND tỉnh B về phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ IGS N - Hạp Lĩnh (phần diện tích thuộc xã N - thành phố B) hộ gia đình ông H bị thu hồi 1.422,6 m² và được bồi thường hỗ trợ là đất nông nghiệp tạm giao tương ứng với số tiền 34.622.400 đồng.

Gia đình ông H không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ (BTHT) vì ông cho rằng diện tích đất thị thu hồi của gia đình ông là đất nông nghiệp giao lâu dài.

Khi chủ đầu tư mới của dự án là Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc tiếp nhận dự án đã tiến hành kiểm tra, rà soát lại hồ sơ bồi thường để giải quyết những tồn tại, vướng mắc chưa được giải quyết. Tuy nhiên, hộ ông H không cung cấp được các giấy tờ chứng minh diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp giao lâu dài, đồng thời địa phương cũng khẳng định diện tích bị thu hồi của gia đình ông H là đất nông nghiệp tạm giao. Lúc này đơn giá bồi thường đất lâu dài đã thay đổi từ 79.000 đồng/m² thành 439.000 đồng/m²; đơn giá đất tạm giao đã thay đổi từ 24.000 đồng/m² thành 30.000 đồng/m². Do đó, Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình có vướng mắc chưa được giải quyết, trong đó có hộ gia đình ông H theo đơn giá đã điều chỉnh.

Ngày 23/6/2014, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1065/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B.

Ngày 27/12/2014, Hội đồng BTHT&TĐC dự án họp thông qua phương án BTHT điều chỉnh, bổ sung dự án.

Căn cứ hồ sơ và biên bản họp hội đồng BTHT, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung khi thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B (trong đó có điều chỉnh đơn giá bồi thường cho hộ ông Phạm Văn H từ 24.000 đồng/m² lên 30.000 đồng/m²). Diện tích phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho hộ ông Phạm Văn H là 1.422,6 m², hình thức đất tạm giao. Tổng số tiền phê duyệt là 43.278.000 đồng).

Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP thực hiện niêm yết công khai các quyết định đồng thời tổ chức họp và thực hiện chi trả tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt.

Trong thời gian chi trả tiền bồi thường gia đình ông Phạm Văn H không đồng ý nhận tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt là đất giao *Tạm giao* mà có đơn kiến nghị được bồi thường theo hình thức đất giao *Lâu dài*.

Ông H đã có đơn khiếu nại quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 gửi các cơ quan đề nghị được BTHT diện tích bị thu hồi của gia

đình là đất giao lâu dài. Căn cứ vào kết quả xác minh nội dung đơn và biên bản của các buổi làm việc, kết quả đối thoại với công dân. Ngày 06/10/2017 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H thôn S, xã N, thành phố B”.

Tại Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 22/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh B đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Tại Bản án số 274/2019/HC-PT ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: hủy Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh B để xét xử lại.

UBND thành phố B không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm, với lý do:

- Thực tế, gia đình ông H chỉ có 01 thửa ruộng diện tích 252 m² (loại ruộng lúa màu), thửa số 370, tờ bản đồ số 6 tại xứ đồng Cây Gáo và đã làm thủ tục kê khai để được cấp GCNQSDĐ năm 1996, ngoài ra không còn thửa ruộng nào khác được cấp GCNQSDĐ.

- Hội nghị quân dân chính ngày 11/8/2014 xét duyệt cho 10 hộ trong đó có gia đình ông H diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp giao lâu dài là không đúng thẩm quyền để xét duyệt việc giao đất và đó là hội nghị có sau khi khu đất đã có quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND tỉnh. Biên bản hội nghị dân quân chính này không được xem là căn cứ để xác nhận rằng hộ ông H được giao đất lâu dài là không đúng.

- Gia đình ông H có khẩu tại thôn S, xã N nhưng chuyển đi làm ăn xa từ năm 1989 đến năm 1993 mới quay về địa phương sinh sống. Thời điểm chia ruộng tại thôn S tính đến 0 giờ ngày 1/8/1992 để chia ruộng có 961 khẩu. Căn cứ Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993; Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/1/1992 của Sở Nông Nghiệp Hà Bắc và Thông báo số 29/TB-TU ngày 27/2/1992 của tỉnh ủy Hà Bắc thì gia đình ông H không thuộc trường hợp “*nhân khẩu có mặt*” để tính định suất giao ruộng nên không được xét chia ruộng lâu dài là đúng quy định pháp luật.

- Căn cứ bản đồ đo đạc năm 1992 được UBND Hện Quế Võ công nhận ngày 16/7/1995, Sở địa chính duyệt ngày 9/10/1995 mà UBND xã N quản lý, tại *tờ 20 thửa 14 có thể hiện rất rõ ràng tổng diện tích đất là 53.782 m², vị trí diện tích 6.142 m² đất 15%*. Vị trí giao ruộng cho gia đình ông H nằm trong diện tích 6.142 m² trên, do đó đất giao cho gia đình ông H canh tác có nguồn gốc là đất công ích.

Như vậy, UBND thành phố B khẳng định việc xác định tổng diện tích 1.442,6 m² thuộc các thửa 125, 126, 127, 135 tờ bản đồ số 27 tại xứ đồng Cống Mối của gia đình ông Phạm Văn H bị thu hồi tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N, Hạp Lĩnh (thuộc xứ đồng Cống Mối) là đất nông nghiệp tạm giao là đúng quy định pháp luật.

Việc ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung khi thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B đối với hộ ông H và Quyết định số 2206/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Đại diện UBND xã N trình bày:

Mặc dù gia đình ông H có khẩu tại thôn S, xã N nhưng gia đình ông đã chuyển đi làm ăn xa từ năm 1988 đồng thời thừa đất ở hộ ông (H) đã chuyển nhượng lại cho chị gái là bà Phạm Thị T. Hiện tại gia đình ông (H) đang ở trên một phần diện tích đất của em trai là Phạm Văn H tại S, N, TP. B. Do đó gia đình ông không thường trú và cũng không làm nông nghiệp tại địa phương. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 12 Nghị định 64/CP; Mục II Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/1/1992 của Sở Nông nghiệp Hà Bắc; Mục 2 Thông báo số 29/TB-TU ngày 27/2/1992 của Tỉnh ủy Hà Bắc thì hộ gia đình ông H không đủ điều kiện được xét chia ruộng lâu dài tại thời điểm tháng 8/1992 là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, gia đình ông H cũng không nằm trong diện được Nhà nước giao đất lâu dài theo điểm b, khoản 1, Điều 12 Nghị định 64/CP. Năm 1993, khi gia đình ông H trở về địa phương sinh sống có xin cấp ruộng và đã được HTX giao cho 04 thửa ruộng tại xứ đồng Cống Mối với diện tích 1442,6 m² để canh tác. Do đó, về mặt thực tế, địa phương không giao ruộng lâu dài bổ sung cho hộ ông H mà chỉ lấy từ quỹ đất công ích của địa phương để tạm giao cho hộ ông H canh tác sản xuất ổn định cuộc sống. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP trình bày:

Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP là chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN N - Hạp Lĩnh trên cơ sở tiếp nhận lại từ Công ty Cổ phần tập đoàn IGS Việt Nam. Trên cơ sở Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 06/11/2008 thì diện tích đất được đền bù của hộ gia đình ông Phạm Văn H là 1.442,6 m² tại xứ đồng Cống Mối thuộc Thôn S, xã N; hình thức đất tạm giao với tổng số tiền bồi thường là 34.622.400 đồng. Sau khi nhận chuyển giao dự án, Công ty nhận được kiến nghị của hộ ông H không đồng ý nhận tiền theo hình thức đất tạm giao mà yêu cầu bồi thường theo đất giao lâu dài. Trên cơ sở đó, Công ty đã phối hợp với UBND xã N tiến hành kiểm tra xác minh vụ việc.

Do hồ sơ được chuyển giao từ Công ty IGS còn nhiều vướng mắc chưa được giải quyết, đồng thời đơn giá đền bù được phê duyệt năm 2008 thấp hơn so với thời điểm chi trả do chủ đầu tư cũ chậm bồi thường nên các hộ dân không đồng thuận nhận tiền bồi thường.

Quá trình xác minh vụ việc đã xác định tại thời điểm chia ruộng năm 1992 gia đình ông H không có mặt tại địa phương nên không thuộc đối tượng được

giao đất nông nghiệp lâu dài để sản xuất mà địa phương lấy quỹ đất công tích để giao đất nông nghiệp cho gia đình ông H. Chủ đầu tư lập phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ ông H là đất nông nghiệp tạm giao. Vì vậy, ngày 18/12/2014 Công ty đã lập tờ trình kèm theo hồ sơ xin điều chỉnh bổ sung đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình chưa được đền bù.

Ngày 31/12/2014, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN N - Hạp Lĩnh. Theo đó, điều chỉnh đơn giá bồi thường cho hộ ông Phạm Văn H từ 24.000 đồng/m² lên 30.000 đồng/m²; tổng số tiền phê duyệt là 43.278.000 đồng.

Đến nay, Công ty đã nhiều lần cùng chính quyền thôn S, xã N đến vận động hộ gia đình ông H nhận tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt nhưng gia đình ông H vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị D, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn N trình bày: đồng ý với nội dung khởi kiện của ông H.

Tại Bản án số 08/2020/HC-ST ngày 21-7-2020, Tòa án nhân dân tỉnh B đã căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại 2011.

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp;

Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc quy định về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng lâu dài cho các hộ; quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H gồm:

- Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H thôn S, xã N, thành phố B.

- Bác yêu cầu khởi kiện hủy một phần quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung khu thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B đối với ông Phạm Văn H.

- Bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả tiền bồi thường theo diện tích 1.442,6 m² theo giá đất nông nghiệp giao lâu dài.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-8-2020, người khởi kiện là ông Phạm Văn H có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo và người đại diện đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện UBND phường N và Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 06/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H, với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông H. Ngày 17/10/2017, ông H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và ngày 15/3/2018 có đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung khu thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh.

Tại Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Tại Bản án phúc thẩm số 274/2019/HC-PT ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh B để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết lại vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung khi thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N - Hạp Lĩnh, thành phố B đối với ông Phạm Văn H:

Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định: Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức văn bản và trình tự thủ tục theo quy định của Luật tổ

chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Về nội dung: Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung khi thu hồi đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN N - Hạp Lĩnh, thành phố B thì gia đình ông H bị thu hồi 04 thửa tại xứ đồng Công Mối, tổng diện tích 1.442,6 m², hình thức sử dụng là đất tạm giao.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H cho rằng việc UBND thành phố B xác định tích diện tích đất 1.442.6 m² này của gia đình ông bị thu hồi tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N, Hạp Lĩnh là đất nông nghiệp tạm giao để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ là không đúng; đến nay gia đình ông vẫn chưa nhận tiền bồi thường.

Trên cơ sở xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông H, xét thấy:

Thứ nhất, về điều kiện được chia đất nông nghiệp thời điểm năm 1992-1993: gia đình ông H thừa nhận năm 1988 cả gia đình ông vẫn có hộ khẩu tại thôn S, xã N nên có đăng ký tạm vắng tại địa phương để đi làm ăn xa trong miền Nam. Đến năm 1993, do làm ăn kinh tế không được nên cả gia đình ông trở về địa phương và có làm đơn xin cấp lại ruộng. Thời điểm gia đình ông về thì HTX đã chia ruộng xong, nên khi làm đơn xin giao ruộng HTX đã giao cho gia đình ông quản lý sử dụng 04 thửa ruộng này là đất dự phòng còn lại này để ổn định sản xuất.

UBND xã N xác định: thời điểm tháng 8/1992 xã N đã tổ chức chia ruộng cho các hộ gia đình trên địa bàn, nhưng do gia đình ông H không có mặt nên không được xét chia ruộng lâu dài.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, UBND tỉnh Hà Bắc (cũ) đã có các bản quy định và chỉ đạo: Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/1/1992 của Sở Nông nghiệp Hà Bắc hướng dẫn về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho các hộ nông dân.

Tại Mục II Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc quy định về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng lâu dài cho các hộ quy định: *“Khẩu của hộ được tính giao ruộng đất gồm khẩu có mặt đã đăng ký hộ khẩu tại địa phương tính đến ngày 31/12/1991...Những trường hợp có hộ khẩu ở địa phương, là xã viên HTX nhưng không làm nông nghiệp hoặc đã cHển đi nơi khác sinh sống đến thời điểm giao ruộng quá 6 tháng thì không được giao ruộng”*.

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 quy định: *“Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông*

ng nghiệp thường trú tại địa phương, kể cả những người đang làm nghề vụ quân sự”.

Như vậy, việc hộ gia đình ông H vào miền Nam sinh sống từ năm 1988, không thường trú tại địa phương và cũng không làm nông nghiệp tại địa phương nên tại thời điểm chia ruộng tháng 8/1992 gia đình ông không được xét chia ruộng lâu dài là đúng quy định pháp luật. Việc giao đất nông nghiệp này đã được thực hiện thống nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 64-CP và Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/1/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc. Năm 1993, khi gia đình ông H trở về địa phương sinh sống xin cấp ruộng và đã được HTX giao cho 04 thửa ruộng tại xứ đồng Cống Mối để canh tác. Đây là phần diện tích đất dự phòng (đất công ích) do UBND xã quản lý sau khi đã chia đất cho các hộ dân làm nông nghiệp.

Xác minh tại UBND xã N cho thấy, năm 1996, sau khi được giao ruộng gia đình ông H cũng chỉ đăng ký kê khai 01 thửa ruộng diện tích 252 m² (loại ruộng lúa màu), thửa số 370, tờ bản đồ số 6 tại xứ đồng Cây Gáo để được cấp GCNQSDĐ. Ngày 26/12/1996, hộ ông Phạm Văn H được cấp GCNQSDĐ số H 506731 đối với thửa ruộng diện tích 252 m² nêu trên. Gia đình ông H chưa bao giờ kê khai đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 1.442,6 m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Cống Mối.

Thứ hai, căn cứ bản đồ đo đạc năm 1992, được UBND huyện Quế Võ công nhận ngày 16/7/1995, Sở địa chính duyệt ngày 9/10/1995 do UBND xã N quản lý xác định: tại tờ bản đồ số 20 thửa 14 có thể hiện tổng diện tích đất là 53.782 m², vị trí diện tích 6.142 m² (tương đương 11,415%) là đất dự phòng (đất công ích) được thể hiện tại Sổ mục kê, sổ quản lý giao chia của HTX đã giao chia và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho 179 hộ trong đó không có hộ ông H. Vị trí giao ruộng cho gia đình ông H 1.442,6 m² tại xứ đồng Cống Mối nằm trong diện tích 6.142 m² trên. Do đó, đất giao cho gia đình ông H canh tác có nguồn gốc là đất dự phòng (đất công ích) trước đây do HTX quản lý nay theo quy định UBND xã, phường quản lý.

Thứ ba, về việc đóng nộp thuế đất nông nghiệp: theo báo cáo của chính quyền thôn S: hộ gia đình ông H, HTX chỉ thu sản và các loại tiền dịch vụ, không thu thuế đất nông nghiệp.

Tại thời điểm thu hồi đất, hộ gia đình ông H không xuất trình được giấy tờ gốc chứng minh diện tích 04 thửa đất trên là đất nông nghiệp lâu dài, tờ khai diện tích tính thuế đất nông nghiệp do UBND xã N, Hện Quế Võ cấp cho ông H ngày 15/10/2004 bị tẩy xóa, không rõ ràng, không trùng khớp với tờ khai thuế khác. Trong khi đó, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Chi cục thuế khu vực Tiên Du - Quế Võ và Chi cục thuế thành phố B xác định: *trên tờ khai thuế đất nông nghiệp năm 2007 và sổ bộ thu không có diện tích 1.442,6 m² tại xứ đồng Cống Mối mà chỉ duy nhất có 01 thửa diện tích 252 m² tại xứ đồng Cây Gáo. Số thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2000 hộ ông Phạm Văn H đóng thuế đất nông nghiệp 14 kg thóc, tờ khai và sổ bộ thuế năm 2007 ông H đóng đất hạng 2 diện tích 252 m² tại xứ đồng Cây Gáo với số thóc phải đóng 11,6 kg.*

Thứ tư, về thẩm quyền giao đất: theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai 1993 quy định: “Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân”. Trong khi đó, biên bản Hội nghị quân dân chính ngày 11/8/2014 xét duyệt cho 10 hộ trong đó có hộ gia đình ông H diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp giao lâu dài là không đúng thẩm quyền để xét duyệt việc giao đất và đó là hội nghị có sau khi khu đất đã có Quyết định thu hồi đất Chủ tịch UBND tỉnh B. Các thành viên tham gia hội nghị là Phó Chủ tịch UBND xã N; Trưởng các chi hội đương nhiệm năm 2014, không phải những người có quyền và thực hiện việc chia ruộng năm 1992. Do đó việc xác nhận của các thành viên hội nghị này cho 10 hộ gia đình (trong đó có hộ ông H) đất giao lâu dài là không có căn cứ. Biên bản dân quân chính này chỉ là tài liệu tham khảo khi giải quyết vụ việc của ông H, không có giá trị pháp lý để làm căn cứ xác định việc giao ruộng lâu dài. Mặt khác, 09 hộ gia đình khác thuộc trường hợp giao ruộng tương tự gia đình ông H hiện nay cũng đã nhận đầy đủ tiền hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp theo hình thức tạm giao, không hộ gia đình có khiếu kiện gì.

Như vậy, việc UBND thành phố B xác định tổng diện tích 1.442,6 m² thuộc các thửa 125, 126, 127, 135 tờ bản đồ số 27 tại xứ đồng Cống Mới của gia đình ông Phạm Văn H bị thu hồi tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N, Hạp Lĩnh (thuộc xứ đồng Cống Mới) là đất nông nghiệp tạm giao (đất công ích) là đúng quy định pháp luật. Ông H không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp theo Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc; do đó việc ông H cho rằng diện tích đất nông nghiệp này là giao lâu dài là không có căn cứ.

Về đơn giá bồi thường: do việc bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ gia đình có vướng mắc chưa được giải quyết ổn thỏa. Tại thời điểm chi trả tiền bồi thường do đơn giá bồi thường đã thay đổi nên Quyết định số 3371/QĐ-UBND điều chỉnh đơn giá bồi thường cho hộ ông Phạm Văn H từ 24.000 đồng/m² lên 30.000 đồng/m² là phù hợp theo quy định tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh B về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2014; đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H.

[3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H; thôn S, xã N, thành phố B:

Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại

Do có khiếu nại của ông Phạm Văn H đối với Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B đề nghị được bồi thường, hỗ trợ diện tích bị thu hồi theo đất giao lâu dài. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố, Phòng TN&MT thành phố đã tổ chức đối thoại với hộ ông Phạm Văn H về việc giải quyết khiếu nại; UBND xã N cũng tổ chức nhiều buổi làm việc để xác minh nguồn gốc đất nông nghiệp giao cho gia đình ông H. Trên cơ sở báo cáo số 326/BC-TNMT ngày 05/10/2017 của Phòng TNMT thành phố

về việc báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H là đúng quy định.

Về căn cứ ban hành quyết định hành chính

Việc xác định tổng diện tích 1.442,6 m² của gia đình ông Phạm Văn H bị thu hồi tại dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N, Hạp Lĩnh (thuộc xứ đồng Cống Mối) là đất nông nghiệp tạm giao (đất công ích) là có căn cứ. Ngoài ra, tại các buổi làm việc của UBND xã N với các thành phần liên quan đến việc chia ruộng từ thời điểm từ năm 1992 đến 2004 đều khẳng định tại thời điểm giao ruộng năm 1993 hộ ông H tuy có hộ khẩu tại địa phương nhưng không có mặt tại thời điểm đó nên không được giao ruộng lâu dài; sau này chỉ lấy quỹ đất công ích của địa phương để giao cho gia đình ông H ổn định sản xuất. Do vậy, Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn H là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, việc lập hồ sơ thu hồi đất, hồ sơ về phương án bồi thường, tại dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp N - Hạp Lĩnh, thành phố B tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố B đối với ông Phạm Văn H và việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B là đúng quy định pháp luật.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

[4]. Về án phí: ông Phạm Văn H phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn H và giữ nguyên quyết định của Bản án số 08/2020/HC-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Ông Phạm Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận ông H đã nộp số tiền trên vào ngày 11-8-2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THA dân sự tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam